TÒA ÁN ND KHU VỰC 7 **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07 /8 /2025
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tâm

Ông Lê Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST – HNGĐ ngày 18/7/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D – sinh ngày 10/02/1991

Số CCCD: 038191xxxxxx

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh T.

Nay là: Thôn P, xã T, tỉnh T.

Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lưu Văn T - sinh ngày 20/8/1990

Số CCCD: 038090xxxxxx

Trú quán: Thôn Y, xã N, huyện V, tỉnh T.

Nay là: Thôn Y, xã V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI D CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2025, bản tự khai ngày 15/5/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Lưu Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh T (nay là: xã T, tỉnh T) vào ngày 08/9/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của chị D ở thôn P, xã T. Thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn. Từ đầu năm 2024 đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân, anh T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã V để ở và không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lưu Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là: Lưu Bảo V - sinh ngày 16/01/2023 (giới tính: Nữ). Hiện nay cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu V ở cùng với chị D, do chị D chăm sóc nuôi dưỡng, có một thời gian ngắn anh T đưa con về nhà nội chơi, sau đó chị D lại đón con về nuôi. Khi ly hôn chị T đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị vì hiện nay chị đã có nhà ở kiên cố, trước đây chị làm nghề tự do tại xã T, nhưng nay con đã cứng cáp nên chị làm công nhân công ty may mặc, công việc và thu nhập ổn định nên chị có đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt. Anh T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, bên cạnh đó cháu V còn rất nhỏ, rất càn sự chăm sóc gần gũi của mẹ.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lưu Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh Lưu Văn T.

Tại Biên bản xác minh ngày 28/5/2025, UBND xã N, huyện V, tỉnh T (nay là xã V, tỉnh T) nơi anh Lưu Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Lê Thị D – sinh năm 1991, trú tại: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh T và anh Lưu Văn T trú tại: thôn Y, xã N, huyện V, tỉnh T có đăng ký kết hôn tại UBND T (nay là xã TĐ), huyện T, tỉnh T vào ngày 08/9/2021. Sau khi kết hôn chị D và anh T sinh sống ở huyện T. Đến tháng 3/2024, một mình anh T về quê ở xã N, huyện V sinh sống,

không có vợ con đi cùng. Chính quyền địa phương cũng không nắm được nguyên nhân vợ chồng chị D, anh T mâu thuẫn là gì, chỉ biết là vợ chồng anh T, chị D không chung sống cùng với nhau nữa. Chị Lê Thị D và anh Lưu Văn T có 01 con chung tên là: Lưu Bảo V – sinh ngày 16/01/2023 (giới tính: Nữ). Từ trước đến nay cháu Vy ở cùng với chị D tại huyện T, tỉnh T, thỉnh thoảng cháu V về chơi với bố và ông bà nội vài hôm rồi lại đi. Cháu V không có khẩu ở xã N, huyện V. Về điều kiện kinh tế: Chị Lê Thị D, không ở xã N, huyện V nên chính quyền địa phương cũng không biết chị D làm gì, thu nhập như thế nào. Anh Lưu Văn T làm việc tự do có thời điểm làm tại địa phương, có thời điểm đi làm ăn xa. Hiện nay anh T làm nghề gì, ổn định không, thu nhập như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Quá trình sinh sống tại địa phương xã N anh Lưu Văn T có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Ngày 06/6/2025, chị Lê Thị D cung cấp 01 Đơn xin xác nhận, có xác nhận của thôn Phú An và UBND xã T (nay là xã TB). Chị D và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 08/9/2021. Sau khi đăng ký kết hôn chị D và anh T sinh sống tại nhà của chị D ở thôn P. Từ đầu năm 2024 đến nay, anh T không sinh sống ở thôn P nữa. Chị D và anh T có 01 con chung là cháu Lưu Bảo V, từ khi vợ chồng chị D, anh T không chung sống cùng nhau nữa, cháu V do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi cháu V còn nhỏ chị D làm nghề tự do, nay cháu V cứng cáp chị D đã làm công nhân ở công ty may mặc, công việc và thu nhập ổn định. Nhà chị D ở sát nhà bố mẹ đẻ là ông Lê Hồng P, bà Nguyễn Thị S, ông bà còn khoẻ mạnh, kinh tế gia đình khá giả nên đã giúp đỡ mẹ con chị D rất nhiều cả về kinh tế lẫn tinh thần.

Tại phiên tòa chị Lê Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị D, xử cho chị D được ly hôn anh Lưu Văn T.

Giao con chung là Lưu Bảo V – sinh ngày 16/01/2023 (giới tính: Nữ) cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh Lưu Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị D vì chị D không yêu cầu.

-Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị D có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Lưu Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện V (nay là xã V), tỉnh T. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, Luật TTHC, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án xác định đây là vụ án: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Anh Lưu Văn T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh T cố tình trốn tránh. Anh T không có mặt theo quyết định của Toà án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Lưu Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T (nay là xã T, tỉnh T) vào ngày 08/9/2021. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ đầu năm 2024, anh T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã N, huyện V (nay là xã V) để sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Chị Lê Thị D xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh T không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Lê Thị D và anh Lưu Văn T đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Lưu Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị D và anh Lưu Văn T có 01 con chung tên là Lưu Bảo V - sinh ngày 16/01/2023 (giới tính: Nữ). Hiện nay cháu V phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu V ở cùng với chị D, do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị D có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án không thu thập được nguyện vọng của anh T. Tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho con, thấy rằng: Chị D có đất đai, nhà cửa kiên cố, có công ăn việc làm, thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu V ở cùng với chị D, được chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt của cháu đang ổn định. Cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần. Bên cạnh đó cháu V còn rất nhỏ (chưa được 36 tháng tuổi) rất cần sự quan tâm, chăm sóc, gần gũi của mẹ. Nguyện vọng của chị D là hoàn toàn chính đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con về mọi mặt và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con. Do đó, giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Bảo V đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị D vì chị D không yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Lưu Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở và anh T có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1

Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, Luật TTHC, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Lưu Văn T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Lưu bảo V – sinh ngày 16/01/2023 (giới tính: Nữ) cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Anh Lưu Văn T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

2.3. Anh Lưu Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở anh thực hiện quyền này và anh T có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng chị D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006251 ngày 22/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 -Thanh Hóa). Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lưu Văn T không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị Lê Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lưu Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Giang